

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT, KIẾN THỨC CƠ BẢN:

Chủ đề 7: Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế

1. Quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh
2. Quyền và nghĩa vụ nộp thuế của công dân
3. Thực hiện pháp luật về kinh doanh và nộp thuế.
4. Quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản.
5. Nghĩa vụ của công dân về tôn trọng tài sản của người khác
6. Tác hại của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế

Chủ đề 8: Quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hóa, xã hội

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân
2. Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về văn hóa, xã hội bằng những hành vi phù hợp.
3. Các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hóa, xã hội

Chủ đề 9: Một số vấn đề cơ bản của pháp luật quốc tế

1. Pháp luật quốc tế
2. Vai trò của pháp luật quốc tế
3. Mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia
4. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế
5. Công pháp quốc tế về dân cư
6. Lãnh thổ và biên giới quốc gia
7. Các vùng biển **thuộc chủ quyền** của quốc gia
8. Các vùng biển **thuộc quyền chủ quyền** của quốc gia
9. Các nguyên tắc cơ bản của tổ chức thương mại thế giới
10. Hợp đồng thương mại quốc tế.

B. LUYỆN TẬP:

Bài 8: Quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh và nộp thuế

Phần 1: Trắc nghiệm khách quan:

I. Câu hỏi TNKK nhiều lựa chọn:

Câu 1. Ở Việt Nam, ngành, nghề nào sau đây thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện?

- A. Kinh doanh các dịch vụ đòi nợ.
- B. Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.
- C. Kinh doanh động vật hoang dã.

D. Kinh doanh các chất ma túy.

Câu 2. Trong trường hợp dưới đây, việc cơ quan thuế tỉnh H từ chối đề nghị của bà V đã thể hiện điều gì?

Trường hợp. Ông N, bà M và bà V đều có cửa hàng bán quần áo may sẵn trên cùng một tuyến phố. Đến kì thu thuế, ông N và bà M đều thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ và đúng hạn. Riêng bà V luôn đề nghị cơ quan thuế ưu tiên cho chậm nộp thuế hằng tháng, vì bà là phụ nữ và kinh tế gia đình khó khăn hơn ông N và bà M. Đề nghị của bà V không được cơ quan thuế tỉnh H chấp thuận.

A. Đảm bảo bình đẳng trong thực hiện các quyền của công dân.

B. Đảm bảo bình đẳng về quyền tự do kinh doanh của công dân.

C. Đảm bảo bình đẳng về trách nhiệm pháp lí của công dân.

D. Đảm bảo bình đẳng về nghĩa vụ nộp thuế của công dân.

Câu 3. Khi sản xuất, kinh doanh, công dân phải thực hiện nghĩa vụ nào sau đây?

A. Trung thành với Tổ quốc và thực hiện nghĩa vụ quân sự.

B. Đáp ứng tất cả nhu cầu về hoàng hóa/ dịch vụ của khách hàng.

C. Đặt lợi ích doanh nghiệp lên trên hết để tối ưu hóa lợi nhuận.

D. Tiến hành kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Câu 4. Chủ thể trong trường hợp sau đã thực hiện quyền và nghĩa vụ nào của công dân trong kinh doanh?

Trường hợp. Anh K và chị O là bạn thân của nhau. Gần đây, hai người quyết định kinh doanh để tăng thêm thu nhập. Anh K lựa chọn thành lập công ty kinh doanh dịch vụ vận tải, còn chị O muốn tận dụng lợi thế của gia đình nên đã đăng kí thành lập hộ kinh doanh thực phẩm sạch.

A. Quyền tự do kinh doanh của công dân.

B. Nghĩa vụ tôn trọng lợi ích của người tiêu dùng.

C. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường khi sản xuất, kinh doanh.

D. Quyền khởi kiện của doanh nghiệp trong kinh doanh.

Câu 5. Chủ thể trong trường hợp dưới đây đã thực hiện quy định nào của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của công dân về nộp thuế?

Trường hợp. Sau khi nộp đủ các khoản tiền thuế theo quy định của pháp luật, anh T đã gửi văn bản đề nghị cơ quan quản lí thuế địa phương xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước và được cơ quan quản lí thuế gửi thông báo xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế.

A. Quyền yêu cầu cơ quan quản lí thuế xác nhận việc nộp thuế.

B. Ghi chép trung thực, đầy đủ những hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế.

C. Quyền được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế.

D. Quyền được kí hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế.

Câu 6. Trong trường hợp sau, hành vi nào của ông C đã vi phạm nghĩa vụ của công dân trong kinh doanh?

Trường hợp. Doanh nghiệp tư nhân của ông C mở cửa hàng kinh doanh đồ dùng gia đình sau khi được cơ quan đăng ký kinh doanh của tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Khi nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, ông C không kê khai một số mặt hàng trong đồ dùng gia đình, nhưng cửa hàng của ông vẫn bán những mặt hàng này. Khi kê khai nộp thuế, ông đã không kê khai những mặt hàng mới này. Ông C cho rằng, mình không kê khai tính thuế như vậy là đúng, vì những mặt hàng này không nằm trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

- A. Kinh doanh mặt hàng ngoài giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- B. Kinh doanh khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh.
- C. Kinh doanh những mặt hàng mà pháp luật nghiêm cấm.
- D. Kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.

Câu 7. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng quyền tự do kinh doanh của công dân?

- A. Lựa chọn quy mô kinh doanh phù hợp với điều kiện và khả năng.
- B. Tự do kinh doanh bất kì ngành, nghề nào đem lại lợi nhuận.
- C. Chỉ đạo người lao động thực hiện các hành vi trái pháp luật.
- D. Toàn quyền quyết định về công việc, số phận của người lao động.

Câu 8. Nghĩa vụ của công dân về kinh doanh **không bao gồm** nội dung nào dưới đây?

- A. Thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường.
- B. Kinh doanh đúng, ngành nghề theo yêu cầu của khách hàng.
- C. Chỉ kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.
- D. Kinh doanh đúng ngành, nghề ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Câu 9. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng nghĩa vụ của công dân trong kinh doanh?

- A. Tuân thủ quy định của Hiến pháp và pháp luật về kinh doanh.
- B. Tôn trọng quyền tự do kinh doanh của người khác.
- C. Trung thành với Tổ quốc và tham gia nghĩa vụ quân sự.
- D. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

Câu 10. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng quyền của công dân về nộp thuế?

- A. Được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế.
- B. Đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế đầy đủ, đúng hạn.
- C. Được hưởng ưu đãi về thuế, hoàn thuế theo quy định của pháp luật.
- D. Giữ bí mật (trừ những thông tin phải cung cấp cho cơ quan thuế).

Câu 11. Trong tình huống sau, anh T đã vi phạm quy định nào của pháp luật về quyền tự do kinh doanh?

Tình huống. Anh T đã đăng kí mở một cửa hàng kinh doanh thực phẩm sạch và được cấp giấy phép kinh doanh. Tuy nhiên, gần đây thấy việc kinh doanh không mang lại nhiều lợi nhuận nên anh T đã bán thêm một số mặt hàng khác như rượu, bia, thuốc lá.

- A. Kinh doanh các mặt hàng mà pháp luật nghiêm cấm.
- B. Buôn bán các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp.
- C. Kinh doanh sản phẩm không rõ nguồn gốc, xuất xứ.
- D. Buôn bán sản phẩm không có trong giấy phép kinh doanh.

Câu 12. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng quyền tự do kinh doanh của công dân?

- A. Tự do kinh doanh bất kì ngành, nghề nào đem lại lợi nhuận.
- B. Tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng, kí kết hợp đồng.
- C. Chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn kinh doanh.
- D. Tự mình quyết định việc tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động.

Câu 13. Chủ thể nào dưới đây **không vi phạm** pháp luật về quyền tự do kinh doanh?

- A. Doanh nghiệp B nhập lậu các linh kiện điện tử để bán cho khách hàng.
- B. Để tăng lợi nhuận, bà X nhập thực phẩm không rõ nguồn gốc về bán.
- C. Anh B bán các sản phẩm có chất lượng tốt, sản xuất bởi các công ty uy tín.
- D. Chị M nhờ anh G đứng tên thay trên hồ sơ đăng kí kinh doanh.

Câu 14. Theo Điều 6, Luật Đầu tư năm 2020, ngành, nghề nào sau đây bị cấm đầu tư, kinh doanh ở Việt Nam?

- A. Kinh doanh pháo nổ.
- B. Kinh doanh các thiết bị điện tử.
- C. Kinh doanh các mặt hàng nông sản.
- D. Kinh doanh vật liệu xây dựng.

II. Câu hỏi TNKQ Đúng- Sai:

Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Từ năm 2018, ông M thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Sản xuất G với ngành nghề kinh doanh dầu nhớt, phụ tùng xe gắn máy. Trong thời gian kinh doanh, ông M nhận thấy khách hàng ưa chuộng các phụ tùng xe gắn máy hiệu H và dầu nhớt hiệu K nên nảy sinh ý định làm giả sản phẩm của các thương hiệu này bán cho khách hàng để thu lợi. Ông M chỉ đạo nhân viên thiết kế các mẫu tem xác nhận hàng chính hãng và thuê người in nhiều mẫu tem để sử dụng, sau đó ông cùng vợ đến một số chợ trong khu vực tìm mua các phụ tùng xe gắn máy, dầu nhớt chất lượng kém đem về đóng gói, dán tem làm giả sản phẩm của các thương hiệu nổi tiếng, bán ra thị trường cho khách với giá thấp hơn hàng chính hãng từ 10% – 15%. Bằng thủ đoạn đó, trong thời gian gần 2 năm, vợ chồng ông M đã sản xuất số lượng

hàng giả có giá trị tương đương hàng thật hơn 750 triệu đồng, thu lợi khoảng 300 triệu đồng.

a) Hành vi làm giả hàng hóa các thương hiệu nổi tiếng để thu lợi nhuận là vi phạm quyền mở rộng kinh doanh của công dân.

b) Ông M cùng vợ phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vi phạm pháp luật của mình.

c) Ông M vừa vi phạm nghĩa vụ kinh doanh vừa vi phạm nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước.

d) Việc thành lập doanh nghiệp của ông M thể hiện quyền của công dân về kinh doanh.

Bài 9: Quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản; tôn trọng tài sản của người khác

Phần 1: Trắc nghiệm khách quan:

I. Câu hỏi TNKKQ nhiều lựa chọn:

Câu 1. Quyền chiếm hữu tài sản bao gồm

- A.** chiếm hữu có căn cứ pháp luật và chiếm hữu không có căn cứ pháp luật.
- B.** chiếm hữu không có căn cứ pháp luật và chiếm hữu tạm thời.
- C.** chiếm hữu có căn cứ pháp luật và chiếm hữu thường xuyên.
- D.** chiếm hữu trực tiếp và chiếm hữu không có căn cứ pháp luật.

Câu 2. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản?

- A.** Không gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia.
- B.** Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu tài sản.
- C.** Không gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích cộng đồng.
- D.** Đặt lợi ích của bản thân mình lên trên hết và trước hết.

Câu 3. Theo quy định của pháp luật: khi vay, nợ, công dân có nghĩa vụ gì?

- A.** Hoàn trả một phần, giữ lại một phần.
- B.** Trả nợ đầy đủ và đúng hạn.
- C.** Chỉ hoàn trả khi chủ nợ đòi.
- D.** Không hoàn trả nếu chủ nợ là người thân.

Câu 4. Theo quy định của pháp luật: nếu nhặt được của rơi, công dân có nghĩa vụ

- A.** bảo quản và sử dụng tài sản cho đến khi chủ sở hữu tài sản đến nhận lại.
- B.** sử dụng và sửa chữa tài sản bị hư hỏng trước khi trả lại chủ sở hữu.
- C.** tạm thời sử dụng cho đến khi tìm lại được chủ sở hữu tài sản.
- D.** trả lại cho người mất hoặc thông báo cho cơ quan có trách nhiệm xử lý.

Câu 5. Trong trường hợp sau, chủ thể nào đã vi phạm quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong sở hữu tài sản?

Trường hợp. Bố mẹ chị K tặng cho chị một mảnh đất (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) trước khi chị kết hôn với anh H. Tuy nhiên, chồng chị K lại yêu cầu chị để mình được cùng đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện các thủ tục nhập tài sản riêng thành tài sản chung. Khi chị K không đồng ý, anh H đã tỏ thái độ bất mãn, dùng lời lẽ xúc phạm đối với chị K.

- A. Anh H.
- B. Bố mẹ chị K.
- C. Chị K và anh H.
- D. Chị K.

Câu 6. Trong tình huống sau, chủ thể nào đã vi phạm quy định pháp luật về nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác?

Tình huống. Anh T mượn xe máy của H đi chơi, hẹn 3 giờ sau trả lại. Chẳng may anh T gặp sự cố, chiếc xe máy bị đụng nên đã rách một đoạn yếm bánh xe trước. Anh T không sửa chữa xe mà mang trả ngay cho anh H. Thấy vậy, anh H yêu cầu anh T phải bồi thường thiệt hại.

- A. Không có chủ thể nào vi phạm.
- B. Anh H.
- C. Anh T và anh H.
- D. Anh T.

Câu 7. Người nào xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác

- A. đều phải bồi thường và bị phạt cải tạo không giam giữ.
- B. bị phạt cải tạo giam giữ từ 3 đến 6 tháng trong mọi trường hợp.
- C. bị xử phạt hành chính trong mọi trường hợp.
- D. phải chịu trách nhiệm pháp lý tương ứng với mức độ vi phạm.

Câu 8. Trong trường hợp sau, vợ chồng anh B đã vi phạm pháp luật về vấn đề nào?

Trường hợp. Ông Q cho vợ chồng anh B thuê một căn nhà để ở và có kí kết hợp đồng, trong đó ghi rõ bên thuê nhà không được tự ý thay đổi cấu trúc của căn nhà. Tuy nhiên, trong thời gian thuê nhà, vợ chồng anh B đã tự ý cải tạo, sửa chữa, thay đổi cấu trúc của ngôi nhà để phục vụ nhu cầu sử dụng của mình mà không thông báo, xin phép ông Q.

- A. Nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản.
- B. Quyền chiếm hữu và định đoạt tài sản.
- C. Nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác.
- D. Nghĩa vụ của chủ sở hữu tài sản.

Câu 9. Trong trường hợp sau, chủ thể nào đã vi phạm quy định pháp luật về nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác?

Trường hợp. Tại khu vực bờ kè, Khu tập thể T, dù chính quyền địa phương đã gắn biển cấm kinh doanh buôn bán nhưng anh B, chủ các quán ăn trong khu vực vẫn ngang nhiên lấn chiếm làm nơi kinh doanh. Không chỉ chiếm dụng khuôn viên bờ kè làm nơi để bàn ghế, vào ban đêm, khi khách đông, anh B còn lấn chiếm lòng đường làm nơi để xe, gây cản trở giao thông. Bất bình vì hành động đó, anh C đã lên tiếng nhắc nhở, nhưng anh B tỏ thái độ bất mãn và dùng lời lẽ xúc phạm, đe dọa anh C.

A. Anh C.

B. Không có chủ thể nào vi phạm.

C. Anh B.

D. Anh B và anh C.

Câu 10. Quyền sở hữu tài sản **không bao gồm** quyền nào sau đây

A. Quyền chiếm hữu.

B. Quyền định đoạt.

C. Quyền tước đoạt.

D. Quyền sử dụng.

II. Câu hỏi TNKQ Đúng – Sai:

Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Do kinh doanh tín dụng đen thua lỗ, anh X phải vay của anh Q số tiền 200 triệu đồng. Quá hạn trả nợ, bị anh Q đe dọa nên anh X bàn với em rể mình là anh Y lừa bán chị A ra nước ngoài. Theo đúng thỏa thuận với anh X, anh Y lập kế hoạch cùng chị A đi du lịch. Đến một thị trấn gần biên giới, do điện thoại của mình hết pin, anh Y mượn điện thoại chị A để sử dụng. Trong lúc nghe anh Y trao đổi với anh X, chị A phát hiện âm mưu của hai anh nên tìm cách bỏ trốn nhưng bị anh Y khống chế và đập vỡ điện thoại của chị. Nhờ có anh B là một người đi đường giúp đỡ bằng cách cố ý tạo ra sự hỗn loạn nên chị A chạy thoát và tố cáo sự việc với cơ quan chức năng.

a) Công dân được kinh doanh hoạt động tín dụng đen nhưng phải đóng thuế đầy đủ.

b) Anh X và anh Y chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tôn trọng tài sản của công dân.

c) Anh Q và chị B là chủ sở hữu hợp pháp đối với tài sản của mình là phù hợp.

d) Anh Q và chị B có quyền khiếu nại tới cơ quan chức năng để bảo vệ quyền sở hữu hợp pháp của chủ sở hữu tài sản.

Bài 10: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và gia đình

Phần 1: Trắc nghiệm khách quan:

I. Câu hỏi TNKQ nhiều lựa chọn:

Câu 1. Câu tục ngữ “chị ngã, em nâng” phản ánh về quyền và nghĩa vụ của

- A. ông bà đối với các cháu.
- B. anh chị em đối với nhau.
- C. cha mẹ đối với con cái.
- D. con cái đối với cha mẹ.

Câu 2. Trong trường hợp sau, anh M và chị K đã vi phạm quy định nào của pháp luật về hôn nhân?

Trường hợp. Anh M tâm sự với vợ (chị K) muốn mua một căn nhà, khoản tiền cần trả trước là 400 triệu đồng, khoản vay là 1,8 tỉ đồng. Tuy nhiên, anh M hiện đang trong danh sách khách hàng có khoản nợ xấu nên hai vợ chồng không thể vay thêm tiền ngân hàng. Anh bàn với vợ li hôn giả để chị K sau khi độc thân thì sẽ không bị ảnh hưởng bởi nợ xấu của anh và có thể vay tiền mua nhà. Chị K rất tin tưởng chồng nên đã đồng ý làm theo. Tuy nhiên, sau khi chị K rút hết khoản tiền vay được đưa cho anh M thì anh không mua nhà như đã thoả thuận trước đó. Anh chuyển về quê sinh sống và mở trang trại nuôi lợn trên mảnh đất của bố mẹ để lại. Khi chị K tìm về quê thì phát hiện anh M đã đăng kí kết hôn và chuẩn bị tổ chức đám cưới với chị C (một người phụ nữ cùng xã với anh M).

- A. Cản trở li hôn.
- B. Lừa dối để li hôn.
- C. Cưỡng ép li hôn.
- D. Li hôn giả tạo.

Câu 3. Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi phản ánh về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng được quy định trong Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014?

- A. Vợ có nghĩa vụ phải làm tất cả các công việc nhà.
- B. Vợ, chồng bình đẳng với nhau.
- C. Vợ, chồng cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.
- D. Vợ, chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy.

Câu 4. Trong trường hợp sau, anh T và bạn S đã vi phạm quy định nào của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân?

Trường hợp. Dù bố mẹ không đồng ý và khuyên ngăn, nhưng S (16 tuổi) vẫn kiên quyết tổ chức đám cưới với anh C (anh họ - con trai của chị gái ruột bố của S). Sau khi kết hôn, vì không có ruộng đất nên S phải đi làm thuê khắp nơi kiếm tiền chăm lo cho gia đình. Năng lực có hạn, việc làm không ổn định, thu nhập bấp bênh khiến cuộc sống của vợ chồng S càng ngày càng khó khăn, nhất là khi S sinh con gái đầu

lòng và cháu bé không may bị nhiều dị tật bẩm sinh trên cơ thể khiến sức khỏe suy yếu.

- A. Cản trở người khác kết hôn hoặc duy trì quan hệ hôn nhân tự nguyện.
- B. Dùng nhiều thủ đoạn để cưỡng ép hoặc cản trở người khác li hôn.
- C. Cưỡng ép người khác kết hôn trái với sự tự nguyện của họ.
- D. Kết hôn với người có quan hệ huyết thống trong phạm vi ba đời.

Câu 5. Anh T và chị Q đều là con của ông K và bà S. Tuy nhiên, ông K và bà S thường chăm sóc, quan tâm đến anh T nhiều hơn. Thấy vậy, chị Q rất buồn và cho rằng bố mẹ không công bằng. Tuy nhiên, chị Q luôn tự trấn an bản thân: “Bố mẹ cũng rất yêu thương mình, mình cần cố gắng chăm ngoan, học giỏi hơn nữa để bố mẹ không phiền lòng”. Trong trường hợp trên, cách xử sự của những nhân vật nào đã vi phạm luật hôn nhân và gia đình?

- A. Bà S và anh T.
- B. Anh T và chị Q.
- C. Ông K và bà S.
- D. Ông K và chị Q.

Câu 6. Theo quy định của pháp luật, quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình **không** thể hiện ở việc vợ chồng cùng

- A. bài trừ quyền tự do tín ngưỡng.
- B. định đoạt khối tài sản chung.
- C. tôn trọng nhân phẩm của nhau.
- D. thống nhất địa điểm cư trú.

Câu 7. Câu ca dao “Đói lòng ăn đọt chà là/ Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng” phản ánh về quyền và nghĩa vụ của

- A. cha mẹ đối với con cái.
- B. con cái đối với cha mẹ.
- C. ông bà đối với các cháu.
- D. anh chị em đối với nhau.

Câu 8. Theo quy định của pháp luật, một trong những nội dung của bình đẳng trong hôn nhân và gia đình là vợ, chồng **không** được

- A. chăm sóc con khi bị bệnh.
- B. sở hữu tài sản riêng.
- C. xúc phạm danh dự của nhau.
- D. giúp đỡ nhau cùng phát triển.

Câu 9. Trong trường hợp sau, chủ thể nào đã vi phạm quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng?

Trường hợp. Trước khi kết hôn với anh A, chị P được bố mẹ cho một căn hộ chung cư. Sau khi kết hôn, chị dọn về chung sống với anh A. Nhiều lần chồng chị đề nghị

nhập căn chung cư này vào tài sản chung của vợ chồng. Chị P không đồng ý với yêu cầu này nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn.

A. Chị P.

B. Không có chủ thể nào vi phạm.

C. Cả anh A và chị P.

D. Anh A.

Câu 10. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng quyền và nghĩa vụ của con, cháu đối với ông bà, cha mẹ?

A. Chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ, ông bà.

B. Yêu quý, kính trọng cha mẹ, ông bà.

C. Hiếu thảo, lễ phép với cha mẹ, ông bà.

D. Ngược đãi, xúc phạm ông bà, cha mẹ.

Câu 11. Trong mối quan hệ giữa cha mẹ với con cái, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ

A. bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con. Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ nuôi dạy con thành công dân tốt, bảo vệ quyền và lợi Ích hợp pháp

B. ép buộc con làm điều trái pháp luật.

C. phân biệt đối xử giữa các con.

D. ép buộc con làm điều trái đạo đức.

Câu 12. Pháp luật Việt Nam quy định, độ tuổi kết hôn của nam giới là từ đủ

A. 21 tuổi trở lên.

B. 18 tuổi trở lên.

C. 20 tuổi trở lên.

D. 19 tuổi trở lên.

II. Câu hỏi TNKQ Đúng – Sai:

Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Vợ chồng anh B, chị A cùng 2 con gái chung sống với mẹ đẻ của anh B là bà C làm giám đốc một công ty tư nhân. Do không ép được chị A sinh thêm con thứ 3 với hi vọng có được cháu trai, bà C đã bịa đặt chị A ngoại tình rồi gửi đơn ra tòa án đề nghị xem xét cho anh B li hôn vợ. Bức xúc với mẹ chồng, chị A đã bí mật rút tiền tiết kiệm của 2 vợ chồng rồi bỏ việc công ty của bà C về kinh doanh cùng mẹ đẻ của chị là bà H. Trong thời gian chị A đi vắng, được bà C hứa sẽ hỗ trợ một khoản tiền lớn, chị M nhân viên của bà C cũng vừa ly hôn, đồng ý mang thai hộ cho anh B. Khi phát hiện mình đã có thai với anh B, chị M đã thông tin tới chị A và yêu cầu chị ly hôn để anh B kết hôn với chị và được chị A đồng ý. Sau khi biết chị gái mình ly hôn, anh Q là em trai chị A đã dùng hung khí uy hiếp và đánh anh B bị thương.

a) Bà C có quyền đề nghị tòa án xem xét ly hôn cho anh B và chị A vì chị A đã vi phạm nghiêm trọng đời sống hôn nhân.

b) Chị M mang thai hộ cho anh B nên không vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và gia đình.

c) Anh Q uy hiếp và đánh anh B bị thương là vi phạm quyền và nghĩa vụ giữa các thành viên trong gia đình.

d) Chị A rút tiền tiết kiệm của hai vợ chồng để kinh doanh là phù hợp.

Bài 11: Quyền và nghĩa vụ học tập của công dân

Phần 1: Trắc nghiệm khách quan:

I. Câu hỏi TNKQ nhiều lựa chọn:

Câu 1. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng quyền học tập của công dân?

A. Công dân có quyền học tập thường xuyên, suốt đời.

B. Công dân cần hoàn thành các chương trình giáo dục.

C. Công dân có quyền bình đẳng về cơ hội học tập.

D. Công dân có quyền được học không hạn chế.

Câu 2. Trong trường hợp sau, chủ thể nào đã vi phạm nghĩa vụ học tập của công dân?

Trường hợp. Học xong lớp 9, hai chị em sinh đôi D và O có nguyện vọng muốn học tiếp lên cấp Trung học phổ thông để có tương lai tốt đẹp hơn. Tuy nhiên, nguyện vọng của hai chị em bị bố mẹ phản đối, ngăn cản vì cho rằng: hoàn cảnh gia đình hiện tại rất khó khăn, D và O lại là con gái nên việc tiếp tục đi học là không cần thiết và lãng phí; hai chị em nên đi tìm việc làm để kiếm tiền giúp đỡ gia đình.

A. Hai bạn D và O.

B. Không có chủ thể nào vi phạm.

C. Tất cả các chủ thể đều vi phạm.

D. Bố mẹ của D và O.

Câu 3. Chủ thể nào trong trường hợp dưới đây đã vi phạm quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên phương diện giáo dục?

Trường hợp. Sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm X, chị A và anh V xung phong nhận công tác tại vùng sâu, vùng xa, nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Biết được việc này, người thân của chị A và anh V đã khuyên: không nên chọn đi đến những nơi khó khăn như vậy mà nên ở lại thành phố để làm việc. Khuyên nhủ nhẹ nhàng không được, người thân của anh V và chị A đã dùng nhiều lời lẽ có tính xúc phạm về sự lựa chọn của hai người; đồng thời tỏ thái độ khinh miệt đồng bào dân tộc thiểu số. Bất chấp sự phản đối từ phía gia đình, chị A và anh V vẫn kiên định với lựa chọn của mình, vì: anh, chị muốn góp một phần công sức bé nhỏ để phát triển văn hoá, giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số.

A. Người thân của anh V, chị A.

B. Anh V và người thân.

C. Anh V và chị A.

D. Chị A và người thân.

Câu 4. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng nghĩa vụ học tập của công dân?

A. Tôn trọng quyền học tập của người khác.

B. Học bất cứ ngành, nghề nào phù hợp với bản thân.

C. Học tập thường xuyên, suốt đời.

D. Bình đẳng về cơ hội học tập.

Câu 5. Trong trường hợp sau, ông K đã thực hiện quyền nào của công dân?

Trường hợp. Năm 70 tuổi, ông K quyết định theo học chương trình đào tạo cử nhân hệ vừa làm vừa học. Dù tuổi cao, sức yếu, nhưng trong suốt quá trình học ông đều rất cần cù, chăm chỉ, chịu khó tìm tòi để tiếp thu những kiến thức mới. Nhờ sự nỗ lực không ngừng nghỉ, ông K đã tốt nghiệp loại giỏi và trở thành tấm gương sáng cho nhiều người noi theo.

A. Hoàn thành giáo dục bắt buộc.

B. Quyền hoàn thành các chương trình giáo dục.

C. Quyền học tập thường xuyên, học suốt đời.

D. Thực hiện phổ cập giáo dục.

Câu 6. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng nghĩa vụ học tập của công dân?

A. Tôn trọng nhà giáo, người lao động trong cơ sở giáo dục.

B. Tuân thủ các quy định của pháp luật về học tập.

C. Học tập thường xuyên, học suốt đời.

D. Tôn trọng quyền học tập của người khác.

Câu 7. Trong trường hợp sau, chủ thể nào đã vi phạm nghĩa vụ học tập của công dân?

Trường hợp. Mặc dù gia đình khá giả, được bố mẹ tạo điều kiện tốt nhưng S rất thờ ơ với việc học tập. Thấy thành tích của S không tốt, giáo viên chủ nhiệm đã phân công hai bạn H và B giúp đỡ S trong học tập. Tuy nhiên, mỗi khi làm bài tập nhóm, S thường tỏ thái độ không hợp tác, thỉnh thoảng lại có hành vi trêu đùa, cản trở H và B học bài. Các bạn nhắc nhở, góp ý thì S lại có những lời nói và thái độ thiếu tôn trọng với bạn.

A. Giáo viên chủ nhiệm.

B. Bạn H.

C. Bạn B.

D. Bạn S.

Câu 8. Theo quy định của pháp luật, Nhà nước có chính sách ưu tiên cho người dân tộc thiểu số vào học các trường đại học là thể hiện quyền bình đẳng

A. giáo dục.

B. an ninh.

C. văn hoá.

D. chính trị.

Câu 9. Hành vi nào dưới đây vi phạm quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ học tập của công dân?

A. Người học đủ tiêu chuẩn được nhận vào học đúng ngành đăng kí.

B. Sinh viên tham gia các hoạt động nghiệp vụ do nhà trường tổ chức.

C. Học sinh nghỉ học tạm thời theo quy định khi có dịch bệnh bùng phát.

D. Cha mẹ ngăn cản con tham gia hoạt động tập thể của trường lớp.

Câu 10. Trong trường hợp dưới đây, bạn A và bạn B đã thực hiện quyền nào của công dân về học tập?

Trường hợp. Khi đang thảo luận về việc chọn ngành học Đại học, bạn A cho biết sẽ chọn ngành Kế toán do đam mê lĩnh vực này. Bạn B chia sẻ rằng, ước mơ của bạn là trở thành bác sĩ để có thể chữa bệnh cho cộng đồng.

A. Quyền học thường xuyên, học suốt đời.

B. Quyền bình đẳng về cơ hội học tập.

C. Quyền được học bất cứ ngành, nghề nào phù hợp với bản thân.

D. Quyền học tập không giới hạn.

II. Câu hỏi TNKQ Đúng – Sai:

Gần đây, Trường Đại học C tổ chức kì thi kết thúc học phần nhưng do không nắm vững kiến thức các môn học nên M (sinh viên Trường Đại học C) quyết định tìm người thi hộ. Thông qua mạng xã hội, M thuê B (sinh viên một trường đại học khác trên địa bàn) thi hộ hai môn chuyên ngành với giá 600.000 đồng/môn. Tuy nhiên, khi B đang sử dụng giấy tờ giả để tham dự kì thi hộ M thì đã bị giám thị phát hiện. Sau đó các cơ quan chức năng đã tiến hành xử lý hành vi vi phạm của cả M và B bằng hình thức đuổi học.

a) Sinh viên M đã vi phạm quyền học tập của sinh viên B.

b) Bạn M và B đều được học tập tại các trường đại học là thực hiện quyền học tập của công dân.

c) Việc cơ quan chức năng tiến hành đuổi học bạn M và bạn B là vi phạm quyền học tập của công dân.

d) Việc bạn M và bạn B khiếu nại quyết định kỷ luật đối với mình là không phù hợp vì hành vi của 2 người là cụ thể.

Bài 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội

Phần 1: Trắc nghiệm khách quan:

I. Câu hỏi TNKQ nhiều lựa chọn:

Câu 1. Pháp luật quy định về quyền của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe thể hiện ở việc công dân được

- A. tôn trọng bí mật riêng tư trong quá trình khám, chữa bệnh.
- B. cung cấp hoàn toàn miễn phí tất cả các loại thuốc.
- C. tự do di chuyển giữa các cơ sở y tế công lập nếu thích.
- D. hưởng thụ miễn phí các dịch vụ khám chữa bệnh.

Câu 2. Nội dung nào phản ánh **đúng** nghĩa vụ được đảm bảo an sinh xã hội của công dân?

- A. Tham gia và hưởng các chế độ bảo hiểm.
- B. Tiếp cận các thông tin về an sinh xã hội.
- C. Bình đẳng trong đảm bảo an sinh xã hội.
- D. Tuân thủ quy định về bảo hiểm xã hội.

Câu 3. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của công dân?

- A. Thực hiện các quy định về phòng bệnh và khám bệnh.
- B. Được tiếp cận với thông tin y tế về chăm sóc sức khỏe.
- C. Được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe.
- D. Được bình đẳng trong khám, chữa bệnh.

Câu 4. Quyền nào của công dân được đề cập đến trong thông tin sau:

Thông tin. Quyền tiếp cận và duy trì những lợi ích bằng tiền mặt hoặc bằng hiện vật, dựa trên sự bình đẳng, không có sự phân biệt đối xử nào, để bảo vệ con người khỏi các hoàn cảnh khó khăn như thất nghiệp, bệnh tật, tuổi già, ...

- A. Quyền được làm việc.
- B. Quyền bình đẳng.
- C. Quyền được đảm bảo an sinh xã hội.
- D. Quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe.

Câu 5. Quyền được đảm bảo an sinh xã hội của công dân được thể hiện ở việc công dân

- A. tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật về an sinh xã hội.
- B. tôn trọng quyền được đảm bảo an sinh xã hội của người khác.
- C. tuân thủ các quy định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...
- D. được tiếp cận, tìm hiểu các thông tin và dịch vụ về an sinh xã hội.

Câu 6. Trong trường hợp sau, chủ thể nào đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe?

Trường hợp. Người thân của bà C phát hiện bà đang nằm hôn mê, bất động trên trên nền nhà nên vội đưa bà tới Phòng khám X ở gần nhà để cấp cứu. Khi tới bệnh viện, bà C được nhân viên bệnh viện đưa vào phòng bệnh. Tuy nhiên, sau khi thăm khám, nhân viên y tế lại đẩy băng ca đưa bà C ra ngoài, từ chối chữa trị vì tình trạng

bệnh của bà quá nặng, bệnh viện thiếu bác sĩ, thiếu trang bị y tế. Không nhận được sự hỗ trợ từ Phòng khám X, người thân của bà C buộc phải liên hệ, tìm kiếm phương tiện để đưa bà tới một cơ sở y tế khác cấp cứu khi bà đang ở trong tình trạng nguy kịch.

- A. Không có chủ thể nào vi phạm.
- B. Tất cả các chủ thể đều vi phạm.
- C. Nhân viên của phòng khám X.
- D. Người thân của bà C.

Câu 7. Nội dung nào phản ánh **không đúng** quyền được đảm bảo an sinh xã hội của công dân?

- A. Tuân thủ quy định về bảo hiểm xã hội.
- B. Bình đẳng trong đảm bảo an sinh xã hội.
- C. Tham gia và hưởng các chế độ bảo hiểm.
- D. Tiếp cận các thông tin về an sinh xã hội.

Câu 8. Trong trường hợp sau, chủ thể nào đã vi phạm nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe?

Trường hợp. Ông A bị ngộ độc thực phẩm phải cấp cứu và điều trị nội trú tại Bệnh viện K. Trong quá trình chữa trị mặc dù được các y, bác sĩ tận tình chăm sóc nhưng ông A luôn tỏ thái độ khó chịu, cáu gắt, thậm chí la mắng y tá, điều dưỡng. Việc làm của ông đã làm cho anh C (bệnh nhân cùng phòng với ông A) bức xúc. Anh C đã nhiều lần nhắc nhở ông A, nhưng ông vẫn không thay đổi.

- A. Anh C.
- B. Nhân viên y tế của bệnh viện K.
- C. Ông A và anh C.
- D. Ông A.

Câu 9. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe?

- A. Tự do di chuyển giữa các cơ sở y tế công lập nếu thích.
- B. Tôn trọng người làm việc trong các cơ sở khám, chữa bệnh.
- C. Thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh.
- D. Tôn trọng quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của mọi người.

Câu 10. Trong trường hợp sau, chủ thể nào đã vi phạm quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong đảm bảo an sinh xã hội?

Trường hợp. Vừa qua, trên địa bàn xã A thuộc huyện B xảy ra lũ ống, lũ quét gây nghiêm trọng đến sức sản của người dân nên K đã quyết định ngân sách để hỗ trợ người dân khắc phục khó lại cuộc sống, số tiền phân bổ theo mức độ thiệt hại của từng hộ gia đình. Khi kê khai thiệt hại về tài sản, gia đình bà M đã cố tình kê khai mức thiệt hại lớn hơn so với thực tế để trục lợi. Việc làm của gia đình bà M bị ông

K (cán bộ xã A) phát hiện nhưng do có mối quan hệ họ hàng với bà M nên ông K im lặng bỏ qua.

Khi chính quyền xã A công bố danh sách những hộ dân được nhận tiền hỗ trợ thiệt hại, nhận thấy sự bất thường đối với trường hợp gia đình bà M, anh P (hàng xóm của bà M) đã đề nghị chính quyền địa phương vào cuộc nhằm xác minh và làm rõ sự việc.

- A. Bà M và ông K.
- B. Bà M và anh P.
- C. Chính quyền xã A.
- D. Anh P và ông K.

II. Câu hỏi TNKQ Đúng – Sai:

Khi bị ngất xỉu, chị P đã được gia đình đưa vào bệnh viện để khám bệnh. Trong quá trình trao đổi với bác sĩ M, chị P đã không kể chi tiết về những biểu hiện của cơ thể để không phải nhập viện. Nhưng với kinh nghiệm chuyên môn và qua khám ban đầu, bác sĩ M đã yêu cầu chị P đi chụp chiếu và làm một số xét nghiệm để xác định rõ tình trạng bệnh tim. Nhưng chị P lại không đồng ý với lý do sức khỏe của mình vẫn tốt và yêu cầu người nhà đưa chị về.

a) Chị P che giấu tình trạng sức khỏe của bản thân là phù hợp với quyền của công dân trong khám chữa bệnh.

b) Việc yêu cầu chị P đi chụp chiếu và làm xét nghiệm là không cần thiết.

c) Chị P và bác sĩ M đều chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ và chăm sóc sức khỏe.

d) Bác sĩ M thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ và chăm sóc sức khỏe công dân.

Bài 13: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ di sản văn hoá

Phần 1: Trắc nghiệm khách quan:

I. Câu hỏi TNKQ nhiều lựa chọn:

Câu 1. Hoạt động của các chủ thể thực hiện các biện pháp tích cực để gìn giữ giá trị di sản văn hoá trong cộng đồng và lưu truyền nó theo thời gian – đó là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Bảo vệ di sản văn hoá.
- B. Tái tạo di sản văn hoá.
- C. Sử dụng di sản văn hoá.
- D. Chuyển giao di sản văn hoá.

Câu 2. Hành vi nào sau đây phù hợp với việc giữ gìn và phát huy di sản văn hóa?

- A. M phát tán thông tin sai lệch về di sản văn hóa quê hương.

- B. Chị P tham gia câu lạc bộ hát ca trù của địa phương.
- C. Anh K không nghe đờn ca tài tử vì cho rằng cổ hủ.
- D. Bạn X có hành vi vứt rác tại khu di tích đền thờ.

Câu 3. Trong trường hợp sau đây, chủ thể nào đã có ý thức bảo vệ di sản văn hóa?

Trường hợp Trong một lần đi tham quan thành cổ Sơn Tây, thấy trên bức tường, bia di tích có những nét khắc, nét vẽ chẳng chịt tên, ngày tháng của những người đến tham quan. Bạn T tỏ thái độ phê phán những việc làm đó. Ngược lại, bạn Q cho rằng việc khắc tên lên bia đá là một cách lưu lại dấu ấn của du khách. Bạn P cũng đồng tình với ý kiến của Q, bên cạnh đó, P còn rủ Q cùng khắc tên lên tường thành cổ.

- A. Bạn P.
- B. Bạn Q.
- C. Bạn T.
- D. Cả 3 bạn: P, Q, T.

Câu 4. Ở Việt Nam, ngày Di sản văn hóa Việt Nam là ngày nào?

- A. Ngày 1/5 hằng năm.
- B. Ngày 10/3 hằng năm.
- C. Ngày 23/11 hằng năm.
- D. Ngày 20/11 hằng năm.

Câu 5. Hành vi nào sau đây phù hợp với việc giữ gìn và phát huy di sản văn hóa?

- A. P có hành vi vứt rác tại khu di tích đền thờ.
- B. Anh K tham gia lớp học để rèn luyện hát ca trù.
- C. Chị M không nghe nhạc quan họ vì cho rằng cổ hủ.
- D. N phát tán thông tin sai lệch về di sản văn hóa quê mình.

Câu 6. Ý kiến nào dưới đây là đúng khi bàn về vấn đề di sản văn hóa?

- A. Chỉ các cơ quan nhà nước mới có trách nhiệm bảo vệ các di sản văn hóa.
- B. Chúng ta chỉ cần bảo vệ những di tích - lịch sử được nhà nước xếp hạng.
- C. Bảo tồn di sản văn hóa góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến.
- D. Chỉ những thắng cảnh được UNESCO công nhận mới gọi là di sản văn hóa.

Câu 7. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng quyền của công dân trong bảo vệ di sản văn hóa?

- A. Tham quan, nghiên cứu về các di sản văn hóa.
- B. Hưởng thụ và tiếp cận các giá trị di sản văn hóa.
- C. Xử lý các hành vi xâm hại di sản văn hóa của dân tộc.
- D. Thực hiện các biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản.

Câu 8. Pháp luật quy định công dân có nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hoá trong trường hợp nào dưới đây?

- A. Tiếp cận các giá trị văn hoá.

- B. Tham quan các di sản văn hoá.
- C. Giao nộp cổ vật do mình tìm được.
- D. Biểu diễn các loại hình nghệ thuật.

Câu 9. Khi phát hiện di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia tại một địa điểm nào đó, công dân cần thực hiện công việc nào dưới đây?

- A. Bán các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia cho các bảo tàng.
- B. Chuyển giao lại di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia cho người khác.
- C. Nhanh chóng báo cáo cho chính quyền địa phương nơi gần nhất.
- D. Mang các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia về nhà làm tài sản riêng.

Câu 10. Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ di sản văn hoá có thể gây ra hậu quả nào sau đây?

- A. Xuất hiện sự phân biệt và xung đột văn hoá.
- B. Làm ảnh hưởng đến phát triển kinh tế du lịch.
- C. Cấu trúc của di sản văn hoá bị phá huỷ, mất mát.
- D. Giảm sự đa dạng khi tiếp cận đến giá trị văn hoá.

II. Câu hỏi TNKQ Đúng – Sai:

Các di sản văn hoá đã được đặt dưới sự bảo hộ của Luật Di sản văn hoá và các công ước của UNESCO mà Việt Nam đã tham gia. Trong số gần 4 triệu hiện vật đang lưu giữ trong các bảo tàng công lập, bảo tàng ngoài công lập và các bộ , tập tư nhân có 238 hiện vật và nhóm hiện vật được Thủ tướng Chính phủ công nhận là bảo vật quốc gia. Từ năm 2015 – 2022, đã có 131 nghệ nhân được phong tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân và 1 507 nghệ nhân được phong tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú. Luật Di sản văn hoá cho phép tư nhân/chủ sở hữu sưu tập hiện vật xây dựng bảo tàng ngoài công lập, tư nhân hiến tặng cổ vật cho các bảo tàng công lập. Nhà nước đã đầu tư những khoản ngân sách khá lớn cho mục tiêu bảo tồn di sản văn hoá. Ngoài ra, phải kể tới hàng nghìn tỉ đồng được huy động từ sự tự nguyện đóng góp của cộng đồng cư dân các địa phương cũng như vốn hỗ trợ từ UNESCO.

a) Quyền của công dân về bảo vệ di sản văn hoá thể hiện ở việc 238 hiện vật và nhóm hiện vật được Thủ tướng Chính phủ công nhận là bảo vật quốc gia.

b) Việc phong tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân và danh hiệu Nghệ nhân ưu tú nằm ngoài lĩnh vực về bảo vệ di sản văn hoá.

c) Pháp luật cho phép tư nhân sưu tập hiện vật xây dựng bảo tàng ngoài công lập là để tạo cơ hội cho người dân được tiếp cận và hưởng thụ các giá trị di sản văn hoá.

d) Pháp luật quy định cộng đồng cư dân các địa phương có nghĩa vụ tự nguyện đóng góp hàng nghìn tỉ đồng cho mục tiêu bảo tồn di sản văn hoá.

Bài 14: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên

Phần 1: Trắc nghiệm khách quan:

I. Câu hỏi TNKKQ nhiều lựa chọn:

Câu 1. Hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm trong pháp luật Việt Nam?

- A. Sử dụng các nguồn năng lượng sạch.
- B. Khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên.
- C. Đổ chất thải, chất độc hại ra môi trường.
- D. Khai thác hợp lý nguồn lợi thủy - hải sản.

Câu 2. Đọc tình huống sau, nếu là bạn P, em nên lựa chọn cách ứng xử nào sau đây?

Tình huống. Trên đường đi học về, P và Q phát hiện một chiếc ô tô đang đổ phế thải xuống bờ mương thoát nước của xóm mình. P rủ Q đi báo công an xã, nhưng Q từ chối vì nói rằng: *“Thôi, đừng báo công an, đây không phải là việc của chúng mình, nếu bị phát hiện, họ sẽ trả thù chúng mình đó”*.

- A. Bí mật dùng điện thoại chụp ảnh lại hành vi vi phạm rồi báo công an.
- B. Nghe theo lời khuyên của Q để tránh liên lụy đến bản thân và gia đình.
- C. Phê bình gay gắt Q, rồi chạy tới mắng chủ chiếc xe ô tô vì thiếu ý thức.
- D. Báo công an và nghỉ chơi với Q vì Q thiếu ý thức bảo vệ môi trường.

Câu 3. Hành vi nào dưới đây thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên?

- A. Dùng mìn, kích điện để đánh bắt cá.
- B. Phá rừng nguyên sinh để trồng cà phê.
- C. Săn bắn, buôn bán động vật quý hiếm.
- D. Sử dụng tiết kiệm điện, nước, khoáng sản.

Câu 4. Hành vi nào dưới đây thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên?

- A. Phá rừng nguyên sinh để trồng cà phê.
- B. Dùng mìn, kích điện để đánh bắt cá.
- C. Sử dụng tiết kiệm điện, nước, khoáng sản,...
- D. Săn bắn, buôn bán động vật quý hiếm.

Câu 5. Hành vi nào dưới đây đã **vi phạm** với quy định của pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên?

- A. Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán động vật rừng.
- B. Khai thác rừng trồng theo quy hoạch của nhà nước.
- C. Sử dụng tiết kiệm điện, nước và các loại khoáng sản.
- D. Tổ cáo hành vi khai thác khoáng sản trái phép.

Câu 6. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng biện pháp bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên?

- A. Tuyên truyền, giáo dục để nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân.
- B. Chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ tài nguyên, môi trường.
- C. Sử dụng túi vải, giấy,... để gói, đựng sản phẩm thay cho túi ni-lông.
- D. Dùng nhiều năng lượng hóa thạch, hạn chế dùng năng lượng tái tạo.

Câu 7. Ý kiến nào dưới đây **đúng** khi bàn về vấn đề bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên?

- A. Để bảo vệ cây trồng thì phải phun nhiều thuốc trừ sâu hóa học.
- B. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên là trách nhiệm riêng của nhà nước.
- C. Muốn phát triển kinh tế thì phải chấp nhận môi trường bị ô nhiễm.
- D. Bảo vệ môi trường, tài nguyên là vấn đề cấp bách của mỗi quốc gia.

Câu 8. “Đề ra các chính sách bảo vệ môi trường; quản lí, và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên” là vai trò của chủ thể nào dưới đây?

- A. Nhà nước.
- B. Cá nhân công dân.
- C. Các tổ chức xã hội.
- D. Các cơ sở giáo dục.

Câu 9. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng tầm quan trọng của môi trường và tài nguyên thiên nhiên?

- A. Là cơ sở để phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.
- B. Tạo cho con người phương tiện sinh sống.
- C. Là yếu tố duy nhất thúc đẩy kinh tế đất nước phát triển.
- D. Là điều kiện thiết yếu cho sự tồn tại, phát triển của con người.

Câu 10. Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên **không** mang lại ý nghĩa nào sau đây?

- A. Giúp môi trường trong lành và cân bằng hệ sinh thái.
- B. Là nhân tố duy nhất thúc đẩy kinh tế đất nước phát triển.
- C. Đảm bảo cho con người tồn tại trong môi trường trong lành.
- D. Góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

II. Câu hỏi TNKQ Đúng – Sai:

Hầu hết các làng nghề đang hoạt động hiện nay đều có những ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới môi trường không khí. Trong số đó, ba nhóm làng nghề: tái chế (kim loại, giấy, nhựa,...), vật liệu xây dựng dựng và chế biến nông sản, thực phẩm là những nhóm làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không khí cao. Nguồn thải gây ô nhiễm môi trường không khí tại các làng nghề chủ yếu từ việc sử dụng than làm nhiên liệu, sử dụng hóa chất, phụ gia trong quá trình sản xuất. Trong đó, nhóm làng nghề có thải lượng ô nhiễm lớn nhất là tái chế (kim loại, giấy, nhựa quá trình tái chế và gia công, xử lí bề mặt, phun sơn, đánh bóng bề mặt sản phẩm, nung,

sấy, tẩy trắng, khi thải lò rèn.... làm phát sinh bụi và các khí thải như SO NO₂, hơi axit và kiềm.

a) Làng nghề hiện nay là nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường cho cộng đồng dân cư.

b) Theo quy định của pháp luật hiện hành, một số hộ gia đình đã làm nghề truyền thống thì không cần phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh.

c) Việc quản lý hoạt động của các làng nghề này là trách nhiệm của chính quyền địa phương.

d) Học sinh sống trong khu vực làng nghề này có quyền thực hiện quyền tố cáo tới cơ quan chức năng nếu phát hiện hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường.

Bài 15: Những vấn đề chung về pháp luật quốc tế

Phần 1: Trắc nghiệm khách quan:

I. Câu hỏi TNKKQ nhiều lựa chọn:

Câu 1. Pháp luật quốc tế có mấy nguyên tắc cơ bản?

- A. 8 nguyên tắc.
- B. 10 nguyên tắc.
- C. 7 nguyên tắc.
- D. 9 nguyên tắc.

Câu 2. Đoạn thông tin sau đề cập đến nguyên tắc nào của pháp luật quốc tế?

Thông tin. Mọi quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với các quốc gia khác trong các lĩnh vực của quan hệ quốc tế như kinh tế, văn hoá, kỹ thuật và thương mại để gìn giữ hoà bình và an ninh quốc tế; khuyến khích sự tôn trọng và tuân thủ các quyền con người và tự do cơ bản trên toàn thế giới và trong việc loại trừ tất cả các hình thức phân biệt về sắc tộc và tôn giáo; khuyến khích sự ổn định và tiến bộ, lợi ích chung của các dân tộc và hợp tác quốc tế mà không có sự phân biệt về chế độ chính trị, kinh tế và văn hoá. Ngoài ra, các quốc gia là thành viên của Liên hợp quốc còn có nghĩa vụ hợp tác với Liên hợp quốc phù hợp với những điều khoản tương ứng của Hiến chương Liên hợp quốc.

- A. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác.
- B. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
- C. Các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với các quốc gia khác.
- D. Cấm dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

Câu 3. Sau khi ký kết điều ước quốc tế, các quốc gia thành viên sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành cho phù hợp với nội dung của điều ước quốc tế là nội dung nào dưới đây của mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia?

- A. Pháp luật quốc gia phụ thuộc vào pháp luật quốc tế.
- B. Pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia bình đẳng với nhau.
- C. Pháp luật quốc tế làm thay đổi pháp luật quốc gia.
- D. Pháp luật quốc tế là cơ sở để hoàn thiện pháp luật quốc gia.

Câu 4. Đoạn thông tin sau đề cập đến nguyên tắc nào của pháp luật quốc tế?

Thông tin. Tất cả các quốc gia sẽ giải quyết các tranh chấp quốc tế với những quốc gia khác bằng các biện pháp hoà bình mà không làm phương hại đến hoà bình, an ninh và công lý quốc tế. Do vậy, các quốc gia sẽ sớm tìm kiếm và chỉ giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng đàm phán, điều tra, trung gian, hoà giải, Trọng tài hoặc Tòa án, thông qua các cơ quan hay tổ chức quốc tế khu vực hoặc bằng những biện pháp hoà bình khác do các bên lựa chọn.

- A. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
- B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác.
- C. Các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với các quốc gia khác.
- D. Cấm dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

Câu 5. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng vai trò của pháp luật quốc tế?

- A. Điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia hoặc các chủ thể khác của pháp luật quốc tế.
- B. Là cơ sở duy nhất để xây dựng mối quan hệ liên minh giữa các quốc gia/ chủ thể khác.
- C. Là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia/ chủ thể khác của pháp luật quốc tế.
- D. Là cơ sở để thiết lập các quan hệ ngoại giao, hữu nghị, hợp tác giữa các quốc gia.

Câu 6. Đoạn thông tin sau đây phản ánh về vai trò nào của pháp luật quốc tế?

Thông tin. Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ được điều chỉnh bởi Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, một điều ước quốc tế song phương được kí kết năm 2000. Quá trình đàm phán và kí kết Hiệp định này được tiến hành theo trình tự, thủ tục đã được quy định trong Công ước Viên về Luật Điều ước quốc tế năm 1969. Quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và các quốc gia khác được thiết lập trên cơ sở các quy định của Công ước Viên về quan hệ ngoại giao năm 1961 và Công ước Viên về quan hệ lãnh sự năm 1963, ...

Nguồn: dẫn theo SGK Giáo dục Kinh tế và pháp luật – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 104

- A. Là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia/ chủ thể khác của pháp luật quốc tế.
- B. Duy trì và phát huy mối quan hệ liên minh giữa các tổ chức quốc tế phi chính phủ.

C. Là cơ sở để thiết lập các quan hệ ngoại giao, hữu nghị, hợp tác giữa các quốc gia.

D. Là cơ sở duy nhất để xây dựng mối quan hệ liên minh giữa các quốc gia/ chủ thể khác.

Câu 7. Tình huống sau đây phản ánh về vai trò nào của pháp luật quốc tế?

Tình huống. Do mâu thuẫn, tranh chấp lãnh thổ kéo dài giữa quốc gia A và quốc gia B trong nhiều năm mà chưa được giải quyết, quốc gia A đã dùng vũ lực tấn công vào lãnh thổ của quốc gia B, vi phạm nghiêm trọng pháp luật quốc tế. Quốc gia B đã yêu cầu Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc can thiệp. Căn cứ vào pháp luật quốc tế, trong đó có Hiến chương Liên hợp quốc, Hội đồng Bảo an đã ra nghị quyết yêu cầu quốc gia A tôn trọng pháp luật quốc tế, rút quân đội, lập lại hoà bình, an ninh ở quốc gia B. Quốc gia A buộc phải thực hiện nghị quyết của Liên hợp quốc, rút quân đội ra khỏi lãnh thổ quốc gia B.

Nguồn: dẫn theo SGK Giáo dục Kinh tế và pháp luật – bộ sách Cánh diều, trang 107

A. Duy trì và phát huy mối quan hệ liên minh giữa các tổ chức quốc tế phi chính phủ.

B. Là cơ sở duy nhất để xây dựng mối quan hệ liên minh giữa các quốc gia/ chủ thể khác.

C. Là cơ sở để thiết lập các quan hệ ngoại giao, hữu nghị, hợp tác giữa các quốc gia.

D. Là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia/ chủ thể khác của pháp luật quốc tế.

Câu 8. Đoạn trường hợp dưới đây đề cập đến nguyên tắc cơ bản nào trong pháp luật quốc tế?

Thông tin. Tháng 3 năm 2018, Việt Nam cùng 10 quốc gia khác chính thức ký kết Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Thực hiện các cam kết về lao động khi gia nhập CPTPP, Việt Nam đã ban hành Bộ luật Lao động năm 2019, bổ sung các vấn đề mới liên quan đến các quyền lao động cơ bản (quyền tự do lập hội và thương lượng tập thể thực chất, chấm dứt mọi hình thức lao động cưỡng bức hoặc ép buộc, loại bỏ lao động trẻ em và cấm các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, chấm dứt phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp); điều kiện lao động (lương tối thiểu, giờ làm việc và an toàn, sức khoẻ nghề nghiệp); bảo đảm quyền trong giải quyết tranh chấp lao động ;...

Nguồn: dẫn theo SGK Giáo dục Kinh tế và pháp luật – bộ sách Chân trời sáng tạo, trang 106

A. Tận tâm, thiện chí trong việc giải quyết các tranh chấp quốc tế.

B. Cấm dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

C. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia.

D. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

Câu 9. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia?

A. Pháp luật quốc tế và luật quốc gia có quan hệ biện chứng, tác động qua lại với nhau.

B. Pháp luật quốc tế là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện quy định của luật quốc gia.

C. Luật quốc gia tạo cơ sở hình thành và góp phần thúc đẩy pháp luật quốc tế phát triển.

D. Pháp luật quốc tế và luật quốc gia tồn tại độc lập, không liên quan gì đến nhau.

Câu 10. Khái niệm nào được đề cập đến trong đoạn thông tin sau?

Thông tin. Hệ thống các nguyên tắc và quy phạm pháp luật do các quốc gia và chủ thể khác của pháp luật quốc tế thoả thuận xây dựng nên, trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, nhằm điều chỉnh quan hệ phát sinh giữa các quốc gia và các chủ thể đó trong mọi lĩnh vực của quan hệ quốc tế.

A. Quan hệ quốc tế.

B. Pháp luật quốc gia.

C. Hội nhập quốc tế.

D. Pháp luật quốc tế.

II. Câu hỏi TNKQ Đúng – Sai:

Hai nước Australia và Timor Lester có mâu thuẫn, bất đồng trong việc phân định biển. Năm 2016, Timor Lester là nước đầu tiên trên thế giới căn cứ vào thủ tục hoà giải bắt buộc quy định trong các Điều 297 và 298 của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, yêu cầu Australia thực hiện thủ tục hoà giải để phân định ranh giới biển giữa hai nước theo quy định của Luật Biển quốc tế. Dựa trên các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế và Công ước Luật Biển 1982, sau hai năm đàm phán hai nước đã đạt được thoả thuận phân định ranh giới biển cuối cùng vào ngày 06/3/2018.

a) Luật Biển năm 1982 là một ngành luật trong hệ thống pháp luật quốc gia.

b) Hai nước Australia và Timor Lester sau hai năm đàm phán đã đạt được thoả thuận phân định ranh giới biển là thể hiện nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

c) Hai nước Australia và Timor Lester đạt được thoả thuận chung dựa trên Luật biển quốc tế là thể hiện vai trò của pháp luật quốc tế trong giải quyết tranh chấp.

d) Hai nước Australia và Timor Lester cùng thực hiện tốt nguyên tắc tận tâm, thiện chí trong việc thực hiện các điều ước quốc tế.

Bài 16: Công pháp quốc tế về dân cư, lãnh thổ và biên giới quốc gia, Luật Biển quốc tế

Phần 1: Trắc nghiệm khách quan:

I. Câu hỏi TNKKQ nhiều lựa chọn:

Câu 1. Trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, quốc gia ven biển đều có quyền tài phán nào sau đây?

- A.** Nghiên cứu khoa học và gìn giữ môi trường biển.
- B.** Thi hành sự kiểm soát cần thiết đối với tàu thuyền nước ngoài.
- C.** Thăm dò, khai thác và quản lí các tài nguyên thiên nhiên.
- D.** Xử lí các tàu thuyền khi có hành vi vi phạm pháp luật quốc gia.

Câu 2. Mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên vùng trời – được gọi là

- A.** Biên giới quốc gia trên biển.
- B.** Biên giới quốc gia trong lòng đất.
- C.** Biên giới quốc gia trên bộ.
- D.** Biên giới quốc gia trên không.

Câu 3. Vùng biển nằm phía ngoài và tiếp liền nội thủy, có chiều rộng không vượt quá 12 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển là vùng biển nào dưới đây?

- A.** Biển quốc gia.
- B.** Vùng tiếp giáp nội thủy.
- C.** Lãnh hải
- D.** Biển quốc tế.

Câu 4. Tàu thuyền nước ngoài được hưởng quyền gì trong lãnh hải của quốc gia ven biển?

- A.** Qua lại liên tục.
- B.** Qua lại tự do.
- C.** Qua lại hoà bình.
- D.** Qua lại vô hại.

Câu 5. Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia bao gồm

- A.** vùng nội thủy và lãnh hải.
- B.** vùng tiếp giáp lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế.
- C.** vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.
- D.** vùng lãnh hải và tiếp giáp lãnh hải.

Câu 6. Đoạn thông tin dưới đây đề cập đến vấn đề gì?

Thông tin. Vào cuối năm 2023, trước tình hình tại Myanmar có nhiều diễn biến phức tạp, đe dọa an toàn tính mạng của công dân Việt Nam tại khu vực này, Bộ Công an đã phối hợp với Cục Lãnh sự, Đại sứ quán Việt Nam tại Myanmar xác minh, cấp

hộ chiếu và tổ chức các chuyến bay đưa hàng trăm công dân Việt Nam từ Myanmar về nước.

Nguồn: dẫn theo SGK Giáo dục Kinh tế và pháp luật – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 115

A. Các hoạt động bảo hộ công dân của Việt Nam tại Myanmar.

B. Chính phủ Việt Nam chia sẻ khó khăn với chính quyền Myanmar.

C. Mỗi quan hệ đoàn kết, hữu nghị giữa Việt Nam và Myanmar

D. Chính sách về cư trú chính trị dành cho người nước ngoài tại Myanmar.

Câu 7. Theo chế độ đối xử quốc gia, người nước ngoài được hưởng các quyền về dân sự, kinh tế, văn hóa cơ bản như công dân nước sở tại, nhưng bị hạn chế các quyền về chính trị như:

A. quyền bầu cử, ứng cử,...

B. quyền tự do ngôn luận.

C. quyền tiếp cận thông tin.

D. quyền tự do kinh doanh.

Câu 8. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng yêu cầu của pháp luật quốc tế đối với các quốc gia trong vấn đề cư trú chính trị?

A. Giúp đỡ những người đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân.

B. Giúp đỡ những người đấu tranh vì sự tiến bộ của nhân loại.

C. Trao quyền cư trú cho mọi công dân nước ngoài.

D. Không trao quyền cư trú cho những kẻ phạm tội quốc tế.

Câu 9. Đối tượng dân cư nào được đề cập đến trong đoạn thông tin sau đây?

Thông tin. Địa vị pháp lý ở nước sở tại rất thấp, họ không được hưởng các quyền dân sự và lao động mà người nước ngoài được hưởng; họ cũng không được hưởng sự bảo hộ ngoại giao của bất kì nước nào.

A. Công dân nước sở tại.

B. Người không quốc tịch.

C. Người lao động nước ngoài.

D. Công dân nước ngoài.

Câu 10. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải, có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở của quốc gia ven biển là vùng biển nào dưới đây?

A. Tiếp giáp lãnh hải.

B. Đặc quyền kinh tế.

C. Nội thủy.

D. Lãnh hải.

Câu 11. Chế độ pháp lý dành cho người nước ngoài **không** bao gồm

A. Chế độ tị huệ quốc.

B. Chế độ cấm vận, hạn chế.

C. Chế độ đối xử đặc biệt.

D. Chế độ đối xử quốc gia.

Câu 12. Chế độ đối xử đặc biệt thường được áp dụng với đối tượng dân cư nào sau đây?

A. Viên chức của các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước sở tại.

B. Người không quốc tịch.

C. Doanh nhân nước ngoài đang sản xuất, kinh doanh tại nước sở tại.

D. Công dân nước sở tại.

Câu 13. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng quyền chủ quyền và quyền tài phán của các quốc gia ven biển được thực hiện trong vùng đặc quyền kinh tế?

A. Thi hành sự kiểm soát cần thiết đối với tàu thuyền nước ngoài.

B. Thăm dò, khai thác và quản lý các tài nguyên thiên nhiên.

C. Nghiên cứu khoa học và gìn giữ môi trường biển.

D. Lắp đặt và sử dụng đảo nhân tạo, công trình trên biển.

Câu 14. Đường biên giới được xác định trên đất liền, trên đảo, trên sông, hồ, kênh, biển nội địa,... - được gọi là

A. Biên giới quốc gia trên không.

B. Biên giới quốc gia trong lòng đất.

C. Biên giới quốc gia trên biển.

D. Biên giới quốc gia trên bộ.

II. Câu hỏi TNKQ Đúng – Sai:

Tối 19/7/2019, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam Lê Thị Thu Hằng xác nhận: tàu khảo sát Hải Dương 8 của Trung Quốc đã có hành vi vi phạm vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam ở khu vực phía nam Biển Đông. Đây là vùng biển hoàn toàn của Việt Nam, được xác định theo đúng các quy định của Công ước của Liên Hiệp Quốc (LHQ) về Luật biển 1982 mà Việt Nam và Trung Quốc đều là thành viên. Việt Nam đã tiếp xúc nhiều lần với phía Trung Quốc ở các kênh khác nhau, trao công hàm phản đối, kiên quyết yêu cầu chấm dứt ngay các hành vi vi phạm, rút toàn bộ tàu ra khỏi vùng biển Việt Nam. Việt Nam yêu cầu Trung Quốc tôn trọng quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam vì quan hệ hai nước và ổn định, hòa bình ở khu vực. Các lực lượng chức năng trên biển của Việt Nam tiếp tục triển khai nhiều biện pháp phù hợp thực thi chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán một cách hòa bình, đúng pháp luật nhằm bảo vệ vùng biển Việt Nam.

a) Vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa là các vùng biển chủ quyền quốc gia của Việt Nam nên nước ta có chủ quyền đầy đủ và tuyệt đối.

b) Trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, nước ta không được quyền hợp tác với các nước để khai thác vùng biển này.

c) Hoạt động khai thác thăm dò của Trung Quốc là vi phạm quyền chủ quyền của Việt Nam.

d) Trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam, các hoạt động giao thương hàng hải của nước khác phải xin phép Việt Nam.

Bài 17: Các nguyên tắc cơ bản của Tổ chức Thương mại thế giới và hợp đồng thương mại quốc tế

Phần 1: Trắc nghiệm khách quan:

I. Câu hỏi TNKQ nhiều lựa chọn:

Câu 1. Hành vi của nước V trong trường hợp dưới đây đã tuân thủ nguyên tắc nào của tổ chức thương mại quốc tế?

Trường hợp. Kể từ khi trở thành thành viên của WTO, nước V đã từng bước xoá bỏ tất cả những biện pháp theo cam kết mà trước đây nước V áp dụng để bảo hộ đối với hàng hoá và dịch vụ của nước mình, hạn chế việc xâm nhập của hàng hoá, dịch vụ tương tự của nước ngoài.

A. Cạnh tranh công bằng.

B. Tự do hóa thương mại.

C. Minh bạch, ổn định trong thương mại.

D. Thương mại không phân biệt đối xử.

Câu 2. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng nguyên tắc của hợp đồng thương mại quốc tế?

A. Tuân thủ hợp đồng đã kí.

B. Thiện chí, trung thực.

C. Không phân biệt đối xử.

D. Tự do giao kết hợp đồng.

Câu 3. Trong trường hợp sau đây, chủ thể nào đã tuân thủ nguyên tắc thiện chí và trung thực trong giao kết hợp đồng thương mại quốc tế?

Trường hợp. Doanh nghiệp D (nước Y) do quá tin tưởng vào công ty môi giới nên đã bỏ qua công đoạn kiểm tra thông tin đối tác, đồng ý bán cho Công ty G (nước E) 300 tấn gạo. Sau khi Doanh nghiệp D gửi 300 tấn gạo đi cho Công ty G thì mới phát hiện Công ty G không có khả năng thanh toán, đang chờ tuyên bố phá sản.

A. Cả công ty D và công ty G.

B. Không có chủ thể nào tuân thủ.

C. Công ty D.

D. Công ty G.

Câu 4. Các nước đang và chậm phát triển được hưởng một số quyền ưu đãi đặc biệt hoặc quyền được đối xử nung nhẹ hơn trong các hoạt động thương mại quốc tế - đó là nguyên tắc nào của WTO?

- A. Ưu đãi dành cho các nước đang phát triển.
- B. Mở cửa thị trường, tự do hóa thương mại.
- C. Minh bạch, ổn định trong thương mại.
- D. Thương mại không phân biệt đối xử.

Câu 5. Các nước thành viên phải thông báo, trả lời những thông tin cần thiết về mọi biện pháp có liên quan hoặc tác động đến việc thi hành các hiệp định thương mại quốc tế cho các nước khác và cho các cơ quan giám sát việc thực hiện các hiệp định thương mại đa phương của WTO – đó là nội dung của nguyên tắc nào sau đây?

- A. Cạnh tranh công bằng.
- B. Tự do hóa thương mại.
- C. Minh bạch, ổn định trong thương mại.
- D. Thương mại không phân biệt đối xử.

Câu 6. Các bên giao kết hợp đồng có nghĩa vụ thực thi các cam kết đã thoả thuận trong hợp đồng - đó là nội dung của nguyên tắc nào trong giao kết hợp đồng thương mại quốc tế?

- A. Tự do giao kết hợp đồng.
- B. Tuân thủ hợp đồng đã giao kết.
- C. Thiện chí, trung thực.
- D. Tự do hóa thương mại.

Câu 7. Nội dung nào trong nguyên tắc tự do giao kết hợp đồng **không** được thể hiện trong trường hợp sau đây?

Trường hợp. Căn cứ vào nhu cầu và khả năng đáp ứng của các bên, sau khi thoả thuận, thống nhất Công ty X của Nhật Bản đã giao kết hợp đồng bằng văn bản bán cho Công ty V của Việt Nam 1.000 xe ô tô với giá là 30.000 USD/một xe. Công ty X giao xe cho Công ty V tại cảng Hải Phòng, Công ty V sau khi nhận đủ số xe như đã thoả thuận thì thanh toán cho Công ty X thông qua chuyển khoản. Các bên thống nhất không áp dụng Công ước Viên (CISG 1980) mà chọn luật của Singapore để điều chỉnh hợp đồng và Trọng tài thương mại của Việt Nam để giải quyết nếu có tranh chấp. Các bên đã nghiêm chỉnh thực hiện một cách trung thực, đầy đủ, chính xác các cam kết trong hợp đồng cho nhau như đã thoả thuận.

- A. Các bên tham gia với tinh thần thiện chí, trung thực.
- B. Tự do lựa chọn điều luật điều chỉnh cho hợp đồng.
- C. Thoả thuận hình thức của hợp đồng.
- D. Tự do lựa chọn đối tác.

Câu 8. Một quốc gia thành viên của WTO dành sự đối xử bình đẳng, không phân biệt giữa các quốc gia thành viên cũng như giữa hàng hoá, dịch vụ, doanh nghiệp trong nước và hàng hóa, dịch vụ, doanh nghiệp nước ngoài – đó là nội dung của nguyên tắc nào sau đây?

- A. Minh bạch, ổn định trong thương mại.
- B. Cạnh tranh công bằng.
- C. Thương mại không phân biệt đối xử.
- D. Tự do hóa thương mại.

Câu 9. Nguyên tắc tự do hoá thương mại của WTO **không bao gồm** nội dung nào dưới đây?

- A. Loại bỏ hoàn toàn thuế đối với hàng hoá của tất cả các nước.
- B. Mở cửa thị trường trong nước cho dịch vụ và đầu tư nước ngoài.
- C. Mở cửa thị trường trong nước cho các loại hàng hoá nước ngoài.
- D. Loại bỏ các biện pháp thuế quan cản trở tự do hoá thương mại.

Câu 10. Tăng cường cạnh tranh lành mạnh giữa các quốc gia thành viên WTO, các nước thành viên tự do cạnh tranh trong những điều kiện bình đẳng như nhau – đó là nội dung nguyên tắc nào của WTO?

- A. Cạnh tranh công bằng.
- B. Minh bạch, ổn định trong thương mại.
- C. Thương mại không phân biệt đối xử.
- D. Tự do hóa thương mại.

II. Câu hỏi TNKQ Đúng – Sai:

Công ty Y đã kí hợp đồng nhập khẩu 100.000 hộp phấn rôm dùng cho trẻ em của Hãng dược phẩm nước ngoài D với điều kiện phấn rôm phải có chất lượng tốt như đã thỏa thuận và bảo đảm an toàn khi sử dụng. Sau khi nhập về 10.000 hộp phấn rôm và bán ra thị trường, một số trẻ em sử dụng phấn rôm nói trên đã bị dị ứng nặng. Thấy vậy, Công ty Y đã không tiếp nhận số phấn rôm còn lại đã được giao kết trong hợp đồng với Hãng dược phẩm D.

a) Công ty Y không tiếp nhận số phấn rôm còn lại đã ký trong hợp đồng với Hãng dược phẩm D là chưa phù hợp với nguyên tắc thiện chí và trung thực trong hợp đồng thương mại quốc tế.

b) Công ty Y và hãng dược phẩm D đều chưa tuân thủ đúng hợp đồng đã ký kết trong thương mại quốc tế.

c) Hãng dược phẩm D vi phạm nguyên tắc thiện chí và trung thực trong giao kết hợp đồng thương mại.

d) Công ty Y không phải bồi thường hợp đồng, hãng dược phẩm D phải có nghĩa vụ bồi thường hợp đồng cho công ty Y.

Phần II: Tự Luận

Chủ đề 7: Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế

Câu 1. Em hãy nêu và phân tích quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh ?

Câu 2. Em hãy nêu quyền và nghĩa vụ nộp thuế của công dân ?

Câu 3. Thực hiện pháp luật về kinh doanh và nộp thuế ?

Câu 4. Quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản?

Câu 5. Nghĩa vụ của công dân về tôn trọng tài sản của người khác ?

Câu 6. Tác hại của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế?

Chủ đề 8: Quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hóa, xã hội

Câu 1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân ?

Câu 2. Thế nào là tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về văn hóa, xã hội bằng những hành vi phù hợp ?

Câu 3. Các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hóa, xã hội ?

Chủ đề 9: Một số vấn đề cơ bản của pháp luật quốc tế

Câu 1. Pháp luật quốc tế ?

Câu 2. Nêu vai trò của pháp luật quốc tế

Câu 3. Mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia ?

Câu 4. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế?

Câu 5. Công pháp quốc tế về dân cư ?

Câu 6. Lãnh thổ và biên giới quốc gia ?

Câu 7. Các vùng biển **thuộc chủ quyền** của quốc gia ?

Câu 8. Các vùng biển **thuộc quyền chủ quyền** của quốc gia ?

Câu 9. Các nguyên tắc cơ bản của tổ chức thương mại thế giới ?

Câu 10. Hợp đồng thương mại quốc tế ?

----- HẾT -----